Signature Not Verified
Được ký bởi HỒ THỊ HƯƠNG GIANG
Ngày ký: 04.08.2017 15:46

COMPANY LIMITED
VAE
Since 2001

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN BKR INTERNATIONAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Trụ sở chính: Tầng 11 tòa nhà Sông Đà
Số 165, đường Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 04. 6267 0491/492/493 Fax: 04. 6267 0494
Website: www.vae.com.vn

Chi nhánh: Số 15/4 Nguyễn Huy Tưởng
Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 08. 6294 1117 / 6252 1818 - Fax: 08. 6294 1119

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

HÀ NỘI, THÁNG 08 NĂM 2017

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Hoàng Anh	Chủ tịch
Ông Hoàng Quốc Huy	Phó chủ tịch
Ông Trần Văn Long	Ủy viên
Ông Nguyễn Đỗ Lăng	Ủy viên
Ông Nguyễn Viết Bình	Ủy viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Lê Hoàng Anh	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Quốc Huy	Phó Tổng giám đốc
Bà Phạm Thị Cẩm Anh	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Vinh Hiển	Phó Tổng giám đốc
Ông Trần Văn Long	Phó Tổng giám đốc

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng giám đốc,
CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Phạm Thị Cẩm Anh
Phó Tổng giám đốc
(Giấy ủy quyền số 09/UQCT ngày 16/06/2017)
Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2017

Số: 574-17/BC-TC/I-VAE

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc**
Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), *được lập ngày 28 tháng 06 năm 2017, từ trang 06 đến trang 34,* bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Như đã trình bày tại Thuyết minh số V.12 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, khoản Công ty mua lại 20% vốn góp của Ông Nguyễn Tất Lạc tại Công ty TNHH Chackkaphanh Mining Group (nay là Công ty TNHH Huatangnai Mining Group) theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN ngày 23/6/2010 với giá trị là 77.022.500.000 đồng đã được Hội đồng quản trị Công ty đánh giá là một khoản tổn thất theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 10/2015/BB-HĐQT ngày 25/12/2015 và Công ty đã thực hiện ghi nhận 50% giá trị khoản tổn thất tương ứng với giá trị 38.511.250.000 đồng vào Chi phí quản lý doanh nghiệp để xác định kết quả kinh doanh năm 2015. Phần còn lại của khoản tổn thất nêu trên được Công ty ghi nhận vào khoản mục Chi phí trả trước dài hạn và thực hiện kết chuyển vào kết quả kinh doanh năm 2016 với giá trị 6.000.000.000 đồng. Với những tài liệu hiện có tại Công ty và bằng các thủ tục kiểm toán, chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng để đánh giá tính hiện hữu của khoản đầu tư nêu trên và không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác định khoản đầu tư nêu trên là tổn thất. Do đó chúng tôi không thể xác định được các ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến các chỉ tiêu có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty.

Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng về giá trị có thể thu hồi khoản phải thu khác của Công ty TNHH Phong Thịnh liên quan đến hợp đồng Dây truyền tuyển nổi quặng đồng số 09/2010 ngày 08/09/2010; Phụ lục hợp đồng ngày 22/02/2011; Phụ lục hợp đồng 02 ngày 22/03/2011 với số dư tại ngày 31/12/2016 là 11.347.160.000 đồng cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá giá trị dự phòng cần trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số dư khoản mục Dự phòng phải thu khó đòi cho khoản phải thu nêu trên hay không.

Với những tài liệu hiện có tại Công ty chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đưa ra ý kiến về khoản công nợ phải trả người bán mà Công ty xác định là không phải trả được ghi nhận vào thu nhập khác với giá trị 3.265.741.627 đồng. Do đó chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo kiểm toán năm 2016 của Công ty.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán phát hành ngày 30/03/2016 với ý kiến chấp nhận toàn phần có đoạn Vấn đề cần nhấn mạnh về việc Công ty xác định khoản thanh thanh toán số tiền 77.022.500.000 đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN ngày 23/6/2010 giữa Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (nay là Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam) và Ông Nguyễn Tất Lạc là một khoản tổn thất và đã thực hiện phân bổ 50% khoản thanh toán nói trên vào chi phí kinh doanh trong năm 2015.

M.S.D.N: 0101202228 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
Q. CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI

Phạm Ngọc Toản
Phó Tổng giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0024-2013-034-1

Phạm Thị Hiền
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2449-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**283.456.199.856**	**500.074.300.396**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1.**	**18.626.978.203**	**156.564.748.550**
1. Tiền	111		18.201.978.203	139.564.748.550
2. Các khoản tương đương tiền	112		425.000.000	17.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**187.364.681.511**	**211.918.247.218**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	161.037.603.542	180.012.014.328
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	3.957.341.588	8.789.155.472
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5.	56.300.000.000	55.800.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6.	27.095.292.281	28.342.633.318
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7.	(61.025.555.900)	(61.025.555.900)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**V.8.**	**77.433.106.968**	**129.024.420.189**
1. Hàng tồn kho	141		77.433.106.968	129.024.420.189
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**31.433.174**	**2.566.884.439**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12.	31.433.174	-
2. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	V.16.	-	2.566.884.439
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**255.877.597.049**	**244.526.567.061**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**11.537.075.394**	**16.704.646.193**
1. TSCĐ hữu hình	221	V.9.	11.537.075.394	16.704.646.193
- Nguyên giá	*222*		*26.111.753.499*	*26.959.379.558*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(14.574.678.105)*	*(10.254.733.365)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**	**V.12.**	**2.000.000.000**	**2.919.092.000**
- Nguyên giá	231		2.000.000.000	2.919.092.000
- Giá trị hao mòn luỹ kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**3.112.934.951**	**2.925.525.563**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9.	3.112.934.951	2.925.525.563
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**V.3.**	**206.612.475.612**	**182.564.475.612**
1. Đầu tư vào công ty con	251		177.833.100.000	153.785.100.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		26.300.000.000	26.300.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.200.500.000	6.200.500.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.721.124.388)	(3.721.124.388)
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**32.615.111.092**	**39.412.827.693**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12.	32.615.111.092	39.412.827.693
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**539.333.796.905**	**744.600.867.457**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**261.061.692.474**	**469.221.002.810**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**258.288.467.474**	**465.249.677.810**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14.	178.983.300.418	271.898.165.253
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15.	19.473.137.820	118.302.383.394
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.16.	5.480.867.947	3.419.872.470
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17.	670.264.243	18.230.322.866
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18.	1.601.318.589	1.516.679.551
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13.	51.183.091.449	49.934.737.268
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		896.487.008	1.947.517.008
II. Nợ dài hạn	**330**		**2.773.225.000**	**3.971.325.000**
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13.	2.773.225.000	3.971.325.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**278.272.104.431**	**275.379.864.647**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.19.**	**278.272.104.431**	**275.379.864.647**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*200.000.000.000*	*200.000.000.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	*411b*		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		59.696.774.500	59.696.774.500
3. Cổ phiếu quỹ	415		(21.098.433.409)	(21.089.302.618)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		23.897.888.303	23.897.888.303
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		4.232.251.900	4.232.251.900
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.543.623.137	8.642.252.562
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*5.719.853.865*	*5.550.000.000*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*5.823.769.272*	*3.092.252.562*
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**539.333.796.905**	**744.600.867.457**

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Phó Tổng giám đốc
Nguyễn Thị Hoa Vinh	Lê Hoài Thu	Phạm Thị Cẩm Anh

Mẫu B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**VI.1.**	**496.893.847.065**	**940.729.350.743**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)	**10**		**496.893.847.065**	**940.729.350.743**
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	462.040.086.161	870.482.775.432
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**		**34.853.760.904**	**70.246.575.311**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	6.965.901.090	19.579.267.774
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	2.270.983.231	6.831.481.294
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*2.270.983.231*	*6.831.481.294*
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	33.027.535.180	81.544.922.950
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	**30**		**6.521.143.583**	**1.449.438.841**
11. Thu nhập khác	31	VI.5.	3.620.510.360	3.087.857.713
12. Chi phí khác	32	VI.6.	146.951.297	1.452.374.941
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**3.473.559.063**	**1.635.482.772**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**9.994.702.646**	**3.084.921.613**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9.	4.170.933.374	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(7.330.949)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	**60**		**5.823.769.272**	**3.092.252.562**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**VI.10.**	-	-

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Phó Tổng giám đốc
Nguyễn Thị Hoa Vinh	Lê Hoài Thu	Phạm Thị Cẩm Anh

Mẫu B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm 2016	Năm 2015
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***		***9.994.702.646***	***3.084.921.613***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản***				
-	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		4.601.315.052	4.331.678.028
-	Các khoản dự phòng	03		-	18.307.667.400
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.809.139.898)	(20.351.995.047)
-	Chi phí lãi vay	06		2.270.983.231	6.831.481.294
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***		***10.057.861.031***	***12.203.753.288***
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		25.063.466.931	(4.349.446.343)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		51.591.313.221	(68.225.723.098)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(209.256.386.791)	118.308.451.234
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		6.766.283.427	39.208.627.948
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(2.270.983.231)	(6.831.481.294)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.355.514.258)	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.051.030.000)	(2.587.590.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***(121.454.989.670)***	***87.726.591.735***
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(187.409.388)	(12.814.250.563)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.255.505.455	772.727.273
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(500.000.000)	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(24.048.000.000)	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	56.877.690
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.946.869.075	19.579.267.774
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(16.533.034.858)***	***7.594.622.174***
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**				
3.	Tiền thu từ đi vay	33		210.642.570.908	434.260.837.362
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(210.592.316.727)	(441.216.976.649)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***50.254.181***	***(6.956.139.287)***
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	**50**		**(137.937.770.347)**	**88.365.074.622**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**156.564.748.550**	**68.199.673.928**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	**70**	**V.1**	**18.626.978.203**	**156.564.748.550**

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Phó Tổng giám đốc
Nguyễn Thị Hoa Vinh	Lê Hoài Thu	Phạm Thị Cẩm Anh

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh ngiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí, là Doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2004 của Bộ Xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100109674 ngày 14 tháng 3 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty có 14 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 14 ngày 13 tháng 01 năm 2016 thì vốn điều lệ của Công ty là **200.000.000.000 đồng** *(Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng chẵn).*

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi (cầu, đường, bến cảng, đê, đập, kè, kênh mương);
- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 100KV, các các công trình ngầm, xử lý nền móng;
- Thi công lắp đặt thiết bị chuyên dùng cấp, thoát nước, thang máy, hệ thống điện lạnh, điện máy, thông tin, xử lý môi trường trong các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản;
- Các hoạt động kinh doanh khác./.

Địa chỉ: Số 161A Tô Hiệu, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian trên 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

a) Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân

Thông tin về Chi nhánh:

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam
Địa chỉ: Số 96/108 Đường Trục, phường 13, quận Bình Thanh, TP.Hồ Chí Minh
Mã số Chi nhánh: 0100109674-001

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

b) Danh sách các công ty con, công ty liên kết

b1) Danh sách các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1. Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	Số 18, ngõ 4 Phương Mai, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội	Xây dựng các công trình	75,5%	75,5%
2. Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	Khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội	Xây lắp và kinh doanh bất động sản	62,44%	62,44%
3. Công ty CP Sản xuất cửa Hoa Kỳ	Cụm Công nghiệp thực phẩm Hapro, xã Lệ Chi, Gia Lâm, Hà Nội	Thi công lắp đặt cửa các loại	57, 14%	57, 14%

b2) Danh sách các công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1. Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí	Cụm công nghiệp Hà Mãn - Trí Quả, xã Hà Mãn, Thuận Thành, Bắc Ninh	Cung cấp gạch trưng áp các loại	43,83%	43,83%

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại ngày 31/12/2016, Công ty không có hàng tồn kho cần phải trích lập dự phòng giảm giá.

5. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ

5.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	*Thời gian khấu hao <năm>*
Nhà cửa vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

6. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Công ty không khấu hao đối với Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất lâu dài.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí đầu tư xây dựng dự án cao ốc Văn phòng 407 Nguyễn An Ninh, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và các chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau, bao gồm các loại chi phí: chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ, khoản tổn thất do khoản thanh toán theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN giữa Công ty và Ông Nguyễn Tất Lạc chờ phân bổ và các chi phí trả trước khác.

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

9. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, các khế ước vay và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là chi phí các công trình, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán. Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn của các công trình tuân thủ các nguyên tắc:

Công ty chỉ trích trước chi phí để tạm tính giá vốn cho các công trình, hạng mục đã hoàn thành. Chi phí trích trước vào giá vốn là các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng. Số chi phí trích trước được tạm tính đảm bảo tương ứng với giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của công trình, hạng mục đã hoàn thành.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty. Các cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ không được nhận cổ tức, không có quyền bầu cử hay tham gia phân chia tài sản khi Công ty giải thể. Khi chia cổ tức cho các cổ phần, các cổ phiếu quỹ đang do Công ty nắm giữ được coi là cổ phiếu chưa bán. Giá trị cổ phiếu quỹ được phản ánh là giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu, như chi phí giao dịch, thông tin…

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được hình thành từ lợi nhuận sau thuế và được sử dụng vào việc khen thưởng hoặc các mục đích khác phục vụ công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

- Doanh thu của Công ty là doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu hợp đồng xây dựng, doanh thu hoạt động chuyển nhượng bất động sản và doanh thu hoạt động tài chính.

  Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

  (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

  (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

  (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán; và

  (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

  Hợp đồng xây dựng

  Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

  Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

- Doanh thu bán bất động sản Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

  (a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;

  (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;

  (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

  (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;

  (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

- Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay, thu cổ tức.

  Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Doanh thu từ việc thu cổ tức được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức căn cứ vào các thông báo chia cổ tức, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - " Doanh thu và thu nhập khác".

15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn hợp đồng xây dựng được tập hợp và ghi nhận tương ứng với doanh thu ghi nhận trong kỳ được xác định như sau:

Giá vốn trong năm = Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ + Chi phí phát sinh trong kỳ - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ.

Trong đó: Chi phí SXKD dở dang cuối kỳ được xác định theo biên bản kiểm kê khối lượng dở dang cuối kỳ.

Giá vốn hoạt động chuyển nhượng bất động sản là nguyên giá của lô đất tại Bình Dương.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

17. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

17.1. Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% cho các dịch vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác

Các loại thuế, phí khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền	**18.201.978.203**	**139.564.748.550**
Tiền mặt	***131.193.401***	***123.181.032***
Tiền gửi ngân hàng	***18.070.784.802***	***139.441.567.518***
VND	18.070.784.802	139.441.567.518
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	*6.340.816.914*	*37.641.480.469*
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thanh Xuân	*11.268.131.384*	*101.625.027.122*
Ngân hàng TMCP INDOVINA - CN Thiên Long	*51.199.535*	*175.059.927*
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Bắc Sài Gòn	*410.636.969*	-
Các khoản tương đương tiền	**425.000.000**	**17.000.000.000**
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	425.000.000	17.000.000.000
Cộng	**18.626.978.203**	**156.564.748.550**

2. Phải thu của khách hàng

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Bệnh viện Chợ Rẫy - Trung tâm Ung Bướu	32.665.487.972	-	57.080.299.795	-
Bệnh viện đa khoa Đồng Nai	24.133.873.000	-	13.357.655.000	-
Bệnh viện Bệnh nhiệt đới trung ương	15.220.837.000	-	-	-
Trường Đại học Y tế công cộng	13.272.322.000	-	3.572.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	13.228.781.986	-	31.272.887.713	-
Bệnh viện Châm cứu trung ương	-	-	14.129.067.000	-
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	5.986.719.845	-	4.573.076.670	-
Các đối tượng khác	56.529.581.739	-	56.027.028.150	-
Cộng	**161.037.603.542**	**-**	**180.012.014.328**	**-**

b) ***Phải thu của khách hàng là các bên liên quan:*** *Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số VIII.2*

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
- Đầu tư vào công ty con	***177.833.100.000***	-	***177.833.100.000***	***153.785.100.000***	-	***153.785.100.000***
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội (1)	9.060.000.000	-	9.060.000.000	9.060.000.000	-	9.060.000.000
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí (2)	165.484.580.000	-	165.484.580.000	141.436.580.000	-	141.436.580.000
Công ty CP Sản xuất cửa Hoa Kỳ (3)	3.288.520.000	-	3.288.520.000	3.288.520.000	-	3.288.520.000
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	***26.300.000.000***	***3.721.124.388***	***22.578.875.612***	***26.300.000.000***	***3.721.124.388***	***22.578.875.612***
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí (4)	26.300.000.000	3.721.124.388	22.578.875.612	26.300.000.000	3.721.124.388	22.578.875.612
- Đầu tư vào đơn vị khác	***6.200.500.000***	-	***6.200.500.000***	***6.200.500.000***	-	***6.200.500.000***
Công ty CP Kinh doanh tổng hợp Việt Lào (5)	4.200.500.000	-	4.200.500.000	4.200.500.000	-	4.200.500.000
Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh (6)	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Cộng	**210.333.600.000**	**3.721.124.388**	**206.612.475.612**	**186.285.600.000**	**3.721.124.388**	**182.564.475.612**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Chi tiết khoản đầu tư

(1) Công ty Cổ phần Hồng Hà Hà Nội

	31/12/2016	01/01/2016
- Tỷ lệ vốn nắm giữ	*75,50 %*	*75,50 %*
- Tỷ lệ quyền biểu quyết	*75,50 %*	*75,50 %*

Trụ sở và ngành nghề kinh doanh chính: số 18, ngõ 4, phố Phương Mai, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội. Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp.

Giao dịch chủ yếu giữa Công ty và Công ty CP Hồng Hà Hà Nội: nhà thầu xây lắp.

Giá trị hợp lý được Công ty xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng. Tại thời điểm 31/12/2016, Báo cáo tài chính của Công ty CP Hồng Hà Hà Nội có lãi nên Công ty không phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính.

(2) Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí

	31/12/2016	01/01/2016
- Tỷ lệ vốn nắm giữ	*62,44 %*	*60,12 %*
- Tỷ lệ quyền biểu quyết	*62,44 %*	*60,12 %*

Trụ sở và ngành nghề kinh doanh chính: KĐT Tứ Hiệp, Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội. Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp và kinh doanh bất động sản.

Giao dịch chủ yếu giữa Công ty và Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí: nhà thầu xây lắp và kinh doanh bất động sản.

Giá trị hợp lý được Công ty xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng. Tại thời điểm 31/12/2016, Báo cáo tài chính của Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí có lãi nên Công ty không phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính.

(3) Công ty CP Sản xuất cửa Hoa Kỳ

	31/12/2016	01/01/2016
- Tỷ lệ vốn nắm giữ	*57,14 %*	*57,14 %*
- Tỷ lệ quyền biểu quyết	*57,14 %*	*57,14 %*

Trụ sở và ngành nghề kinh doanh chính: Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro, Lệ Chi, Gia Lâm, Hà Nội. Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và lắp đặt cửa các loại.

Giao dịch chủ yếu giữa Công ty và Công ty CP Sản xuất cửa Hoa Kỳ: thi công lắp đặt cửa các loại.

Giá trị hợp lý được Công ty xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng. Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty chưa xem xét việc trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính vào Công ty CP Sản xuất cửa Hoa Kỳ. Do đó, giá trị hợp lý được ghi nhận bằng giá gốc.

(4) Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí

	31/12/2016	01/01/2016
- Tỷ lệ vốn nắm giữ	*43,83 %*	*43,83 %*
- Tỷ lệ quyền biểu quyết	*43,83 %*	*43,83 %*

Trụ sở và ngành nghề kinh doanh chính: Cụm công nghiệp Hà Mãn - Trí Quả, xã Hà Mãn, huyện Thuận Thành, Bắc Ninh. Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các loại gạch trưng áp.

Giao dịch chủ yếu giữa Công ty và Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí: cung cấp gạch khí trưng áp các loại.

Giá trị hợp lý được Công ty xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng. Tại thời điểm 31/12/2016, khoản trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư vào Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí là 3.721.124.388 đồng.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

(5) Công ty CP Kinh doanh tổng hợp Việt Lào

	31/12/2016	01/01/2016
- Tỷ lệ vốn nắm giữ	*19,05 %*	*19,05 %*
- Tỷ lệ quyền biểu quyết	*19,05 %*	*19,05 %*

Trụ sở và ngành nghề kinh doanh chính: Số 96 Hà Huy Tập, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, Nghệ An. Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.

Giao dịch chủ yếu giữa Công ty và Công ty CP Kinh doanh tổng hợp Việt Lào: nhận cổ tức.

Giá trị hợp lý được Công ty xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng. Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty chưa xem xét việc trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính vào Công ty CP Kinh doanh tổng hợp Việt Lào. Do đó, giá trị hợp lý được ghi nhận bằng giá gốc.

(6) Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh

	31/12/2016	01/01/2016
- Tỷ lệ vốn nắm giữ	*9,98 %*	*9,98 %*
- Tỷ lệ quyền biểu quyết	*9,98 %*	*9,98 %*

Trụ sở và ngành nghề kinh doanh chính : Số 35 Bến Tầu, phường Bạch Đằng ,thành phố Hạ Long , Quảng Ninh . Công ty hoạt động trong lĩnh vực Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

Giao dịch chủ yếu giữa Công ty và Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh: nhận cổ tức.

Giá trị hợp lý được Công ty xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng. Tại thời điểm 31/12/2016, Báo cáo tài chính của Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh có lãi nên Công ty không phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính.

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn		
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	3.361.714.108	2.578.730.490
Ban Vật tư (Trương Trung Nghĩa)	50.220.548	5.785.175.540
Các đối tượng khác	545.406.932	425.249.442
Cộng	**3.957.341.588**	**8.789.155.472**

b) ***Trả trước cho người bán là các bên liên quan:*** *Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số VIII.2*

5. Phải thu về cho vay

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Công ty Kinh doanh tổng hợp Việt Lào (1)	55.000.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí (2)	1.300.000.000	-	800.000.000	-
Cộng	**56.300.000.000**	**55.000.000.000**	**55.800.000.000**	**55.000.000.000**

(1) Là khoản Công ty cho Công ty Kinh doanh tổng hợp Việt Lào vay theo Hợp đồng cho vay vốn số 01/2009/VL-HHDK với thời hạn vay từ ngày 31/01/2010 đến ngày 31/01/2012.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

(2) Là khoản Công ty cho Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí vay theo Hợp đồng vay vốn ngày 24/7/2015, mức cho vay tối đa là 2 tỷ đồng, số tiền vay theo từng lần nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 6 tháng đối với mỗi lần nhận nợ, lãi suất 9%/năm.

b) ***Phải thu về cho vay là các bên liên quan:*** *Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số VIII.2*

6. Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Phải thu người lao động	5.000.000	-	47.845.688	-
Phạm Thị Roan	-	-	*40.845.688*	-
Các đối tượng khác	*5.000.000*	-	*7.000.000*	-
Ký cược, ký quỹ	686.902.715	-	6.629.057.652	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thanh Xuân	-	-	*3.336.596.502*	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	*683.652.715*	-	*3.292.461.150*	-
Các đối tượng khác	*3.250.000*	-	-	-
Các khoản phải thu khác	26.403.389.566	6.025.555.900	21.665.729.978	6.025.555.900
Công ty Kinh doanh tổng hợp Việt Lào	*6.025.555.900*	*6.025.555.900*	*6.025.555.900*	*6.025.555.900*
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí	*25.175.000*	-	*6.200.000*	-
Tổng Công ty CP Xây lắp dầu khí Việt Nam (1)	*3.436.929.990*	-	*3.436.929.990*	-
Công ty CP phát triển Tân Việt (2)	*5.000.000.000*	-	-	-
Công ty TNHH Phong Thịnh (3)	*11.347.160.000*	-	*11.347.160.000*	-
Các đối tượng khác	*568.568.676*	-	*849.884.088*	-
Cộng	**27.095.292.281**	**6.025.555.900**	**28.342.633.318**	**6.025.555.900**

(1) Là phần lợi nhuận cố định phải chia theo hợp đồng của Dự án Nguyễn An Ninh - Vũng Tàu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 122/2009/BCC-PVC HH ngày 02/06/2009 giữa Công ty và Tổng Công ty CP Xây lắp dầu khí Việt Nam.

(2) Là khoản phải thu theo thỏa thuận liên doanh ba bên giữa Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam, Công ty Cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí và Công ty Cổ phần Phát triển Tân Việt về việc mua lại Dự án Khu nhà ở Ao trũng tại phường Long Biên, Hà Nội theo Biên bản thỏa thuận về việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp thực hiện Dự án đầu tư ngày 9/11/2016.

(3) Là khoản đặt cọc giá trị hợp đồng Dây truyền tuyển nổi quặng đồng cho Công ty TNHH Phong Thịnh số 09/2010 ngày 08/09/2010; Phụ lục hợp đồng ngày 22/02/2011; Phụ lục hợp đồng 02 ngày 22/03/2011, chưa được thực hiện theo tiến độ ghi trong hợp đồng (nhà máy đặt tại bản Poonglak, huyện Kasi, tỉnh Viêng Chăn, nước Cộng hòa DCND Lào).

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

7. Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán, khó có khả năng thu hồi, đã trích lập dự phòng				
Công ty Kinh doanh tổng hợp Việt Lào	61.025.555.900	-	61.025.555.900	-
Cộng	**61.025.555.900**	**-**	**61.025.555.900**	**-**

8. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	77.433.106.968	-	129.024.420.189	-
Cộng	**77.433.106.968**	**-**	**129.024.420.189**	**-**

9. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
Dự án cao ốc Văn phòng 407 Nguyễn An Ninh	3.112.934.951	2.925.525.563
Cộng	**3.112.934.951**	**2.925.525.563**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư ngày 01/01/2016	788.142.094	19.028.794.468	6.778.122.247	364.320.749	**26.959.379.558**
- Thanh lý, nhượng bán	-	(609.979.167)	-	-	**(609.979.167)**
- Giảm khác (i)	-	(237.646.892)	-	-	**(237.646.892)**
Số dư ngày 31/12/2016	788.142.094	18.181.168.409	6.778.122.247	364.320.749	**26.111.753.499**
Giá trị hao mòn luỹ kế					
Số dư ngày 01/01/2016	179.892.164	8.563.535.527	1.148.170.698	363.134.976	**10.254.733.365**
- Khấu hao trong năm	197.679.204	3.500.227.675	902.222.400	1.185.773	**4.601.315.052**
- Thanh lý, nhượng bán	-	(116.804.520)	-	-	**(116.804.520)**
- Giảm khác (i)	-	(164.565.792)	-	-	**(164.565.792)**
Số dư ngày 31/12/2016	377.571.368	11.782.392.890	2.050.393.098	364.320.749	**14.574.678.105**
Giá trị còn lại					
- Tại ngày 01/01/2016	**608.249.930**	**10.465.258.941**	**5.629.951.549**	**1.185.773**	**16.704.646.193**
- Tại ngày 31/12/2016	**410.570.726**	**6.398.775.519**	**4.727.729.149**	-	**11.537.075.394**

- Nguyên giá của TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là: 7.253.610.875 VND.

Như trình bày tại Thuyết minh số V.13, Công ty đã thế chấp tài sản là xe ô tô Mercedes-benz trị giá 1,571 tỷ đồng với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.421.520.782 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 1.678.563.379 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

(i) Giảm khác là TSCĐ do người lao động làm mất, Công ty đã yêu cầu bồi thường.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

11. Tăng, giảm Bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2016	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2016
Nguyên giá	**2.919.092.000**	-	-	**2.000.000.000**
Giá trị quyền sử dụng đất	2.919.092.000	-	(919.092.000)	2.000.000.000
Giá trị hao mòn luỹ kế	-	-	-	-
Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Giá trị còn lại	**2.919.092.000**			**2.000.000.000**
Giá trị quyền sử dụng đất	2.919.092.000			2.000.000.000

- Nguyên giá BĐS đầu tư cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 VND.

12. Chi phí trả trước

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn	***31.433.174***	-
Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	31.433.174	
b) Dài hạn	***32.615.111.092***	***39.412.827.693***
Khoản thanh toán theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN (*)	32.511.250.000	38.511.250.000
Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	103.861.092	901.577.693
Cộng	**32.646.544.266**	**39.412.827.693**

(*) Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam số 10/2015/BB-HĐQT ngày 25/12/2015, Công ty xác định khoản thanh toán số tiền 77.022.500.000 đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN ngày 23/06/2010 giữa Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (nay là Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam) và Ông Nguyễn Tất Lạc là một khoản tổn thất. Khoản tổn thất này được ghi nhận và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty từ năm 2015. Số phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm 2015 số tiền 38.511.250.000 đồng, năm 2016 số tiền 6.000.000.000 đồng. Số tiền còn lại được Công ty ghi nhận là khoản chi phí trả trước dài hạn chờ phân bổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

13. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

		31/12/2016		Số phát sinh trong năm		01/01/2016	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a)	**Vay ngắn hạn**	**51.183.091.449**	**51.183.091.449**	**210.642.570.908**	**209.394.216.727**	**49.934.737.268**	**49.934.737.268**
	Ngân hàng TMCP INDOVINA - CN Thiên Long	11.915.000	11.915.000	5.396.933.738	11.326.989.578	5.941.970.840	5.941.970.840
	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội (1)	5.400.000.000	5.400.000.000	68.334.490.041	98.661.831.564	35.727.341.523	35.727.341.523
	Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thanh Xuân (2)	45.771.176.449	45.771.176.449	136.911.147.129	99.405.395.585	8.265.424.905	8.265.424.905
b)	**Vay dài hạn**	**2.773.225.000**	**2.773.225.000**	**-**	**1.198.100.000**	**3.971.325.000**	**3.971.325.000**
	Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thanh Xuân (3)	2.773.225.000	2.773.225.000	-	1.198.100.000	3.971.325.000	3.971.325.000
	Cộng	**53.956.316.449**	**53.956.316.449**	**210.642.570.908**	**210.592.316.727**	**53.906.062.268**	**53.906.062.268**

Thuyết minh chi tiết các khoản vay như sau:

(1) Khoản vay theo Thông báo cấp tín dụng ngày 25/11/2016, hạn mức cho vay là 150 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức là 30/09/2017, thời hạn cho vay tối đa cho mỗi khoản vay không quá 6 tháng, lãi suất cụ thể theo từng lần cho vay. Mục đích vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Khoản vay không có bảo đảm bằng tài sản, áp dụng biện pháp bảo đảm bổ sung là thế chấp quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng kinh tế.

(2) Khoản vay theo Thông báo hạn mức tín dụng ngày 25/5/2016, hạn mức cho vay là 180 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức đến 24/8/2017, thời hạn tối đa cho mỗi khoản vay là 9 tháng, lãi suất theo quy định tại từng thời điểm giải ngân. Mục đích vay là phục vụ hoạt động xây lắp của Công ty. Tài sản đảm bảo khoản vay là xe ô tô Mercedes-benz trị giá 1,571 tỷ đồng, 8.158.000 cổ phiếu tại Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí, giá trị được định giá là 81,58 tỷ đồng, giá trị sản lượng dở dang và quyền đòi nợ từ các công trình do MB tài trợ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

(3) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 213.15.003.5466.TD ngày 03/03/2015. Hạn mức cho vay 14.073.000.000 đồng. Mục đích vay phát hành bảo lãnh thanh toán, mở LC, cho vay để khách hàng mua máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất theo quy định của từng khoản vay. Tài sản đảm bảo khoản vay là toàn bộ máy móc thiết bị thuộc sở hữu của Công ty, xe ô tô Toyta Fortuner 07 chỗ BKS 30U-6833, xe ô tô Honda Accord 05 chỗ BKS 30N-4345 thuộc sở hữu của Công ty, xe ô tô Toyota Hiace 16 chỗ BKS 29B-022.00 thuộc sở hữu của Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí, cổ phiếu tại Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí thuộc sở hữu của Công ty, các khoản phải thu phát sinh từ các hợp đồng và máy móc thiết bị là tài sản phát sinh từ các phương án tín dụng trung hạn MB tài trợ được liệt kê tại Phụ lục 01 kèm theo Hợp đồng cấp tín dụng này.

14. Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn				
Nguyễn Sơn Cương	7.349.521.887	7.349.521.887	19.790.700.438	19.790.700.438
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	15.182.644.770	15.182.644.770	19.170.027.108	19.170.027.108
Lê Quốc Tuấn	17.613.082.921	17.613.082.921	15.004.298.326	15.004.298.326
Lưu Hoàng Long	3.731.038.288	3.731.038.288	15.589.770.585	15.589.770.585
Lê Văn Hùng	12.556.413.536	12.556.413.536	3.380.240.298	3.380.240.298
Ban Vật Tư (Trương Trung Nghĩa)	39.107.410.315	39.107.410.315	103.019.160.615	103.019.160.615
Phạm Sỹ Tốn	4.767.105.800	4.767.105.800	10.041.637.783	10.041.637.783
Cao Tiến Hưng	17.092.504.260	17.092.504.260	-	-
Các đối tượng khác	61.583.578.641	61.583.578.641	85.902.330.100	85.902.330.100
Cộng	**178.983.300.418**	**178.983.300.418**	**271.898.165.253**	**271.898.165.253**

*b) **Phải trả người bán là các bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số VIII.2*

15. Người mua trả tiền trước

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn		
Bệnh viện Việt Đức	18.505.567.300	97.217.975.000
Trường đại học điều dưỡng Nam Định	83.942.000	83.942.000
Bệnh viện K	791.568.893	-
Các đối tượng khác	92.059.627	21.000.466.394
Cộng	**19.473.137.820**	**118.302.383.394**

*b) **Người mua trả tiền trước là các bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số VIII.2*

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	Khoản mục	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016
a)	**Phải nộp**				
	Thuế GTGT hàng nội địa	3.373.391.908	13.628.694.146	13.720.337.519	3.281.748.535
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.526.447.632	2.355.514.258	2.170.933.374
	Thuế thu nhập cá nhân	46.480.562	386.946.627	405.241.151	28.186.038
	Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	187.409.388	187.409.388	-
	Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
	Cộng	**3.419.872.470**	**18.733.497.793**	**16.672.502.316**	**5.480.867.947**
b)	**Phải thu**				
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.566.884.439	2.566.884.439	-	-
	Cộng	**2.566.884.439**	**2.566.884.439**	-	-

17. Chi phí phải trả

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngắn hạn		
Trích trước chi phí công trình	670.264.243	18.230.322.866
Cộng	**670.264.243**	**18.230.322.866**

18. Phải trả khác

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	236.392.240	170.003.580
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.364.926.349	1.346.675.971
Công ty TNHH Hồng Hà Thành Công	*200.012.008*	*147.074.738*
Cổ tức phải trả	*677.381.000*	*699.741.000*
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	*487.533.341*	*499.860.233*
Cộng	**1.601.318.589**	**1.516.679.551**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

19. Vốn chủ sở hữu

19.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư ngày 01/01/2015	**200.000.000.000**	**59.696.774.500**	**(21.080.016.072)**	**5.694.076.470**	**244.310.834.898**
Lãi trong năm trước	-	-	-	3.092.252.562	**3.092.252.562**
Tăng khác	-	-	(9.286.546)	-	**(9.286.546)**
Phân phối các quỹ	-	-	-	(144.076.470)	**(144.076.470)**
Số dư ngày 01/01/2016	**200.000.000.000**	**59.696.774.500**	**(21.089.302.618)**	**8.642.252.562**	**247.249.724.444**
Lãi trong năm	-	-	-	5.823.769.272	**5.823.769.272**
Tăng khác	-	-	(9.130.791)	-	**(9.130.791)**
Giảm khác (*)	-	-	-	(2.922.398.697)	**(2.922.398.697)**
Số dư ngày 31/12/2016	**200.000.000.000**	**59.696.774.500**	**(21.098.433.409)**	**11.543.623.137**	**250.141.964.228**

(*) Giảm khác là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung theo Biên bản kiểm tra, đối chiếu số liệu báo cáo của người nộp thuế ngày 10/8/2016 của Kiểm toán Nhà nước.

Số lượng cổ phiếu quỹ: 1.900.000 cổ phiếu

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

19.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

19.3. Cổ phiếu

	31/12/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
Cổ phiếu phổ thông	*20.000.000*	*20.000.000*
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.900.000	1.900.000
Cổ phiếu phổ thông	*1.900.000*	*1.900.000*
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.100.000	18.100.000
Cổ phiếu phổ thông	*18.100.000*	*18.100.000*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

19.4. Các quỹ của doanh nghiệp

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2016	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2016
Quỹ đầu tư phát triển	23.897.888.303	-	-	23.897.888.303
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.232.251.900	-	-	4.232.251.900
Cộng	**28.130.140.203**	**-**	**-**	**28.130.140.203**

(*) Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được hình thành từ lợi nhuận sau thuế và được sử dụng vào việc khen thưởng hoặc các mục đích khác phục vụ công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	-	10.848.679.383
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.579.951.171	1.139.509.092
Doanh thu hợp đồng xây dựng	489.558.390.439	928.741.162.268

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	755.505.455	-
Cộng	**496.893.847.065**	**940.729.350.743**

b) **Doanh thu đối với các bên liên quan:** *Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.1*

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn bán hàng	-	10.848.679.383
Giá vốn cung cấp dịch vụ	5.007.423.957	1.137.330.647
Giá vốn hợp đồng xây dựng	456.113.570.204	858.496.765.402
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	919.092.000	-
Cộng	**462.040.086.161**	**870.482.775.432**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	375.816.090	4.026.395.337
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.590.085.000	15.552.872.437
Cộng	**6.965.901.090**	**19.579.267.774**

4. Chi phí tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí lãi vay	2.270.983.231	6.831.481.294
Cộng	**2.270.983.231**	**6.831.481.294**

5. Thu nhập khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu từ thanh lý tài sản	6.825.353	772.727.273
Xử lý công nợ không phải trả	3.265.741.627	2.315.130.440
Thu phạt người lao động làm mất tài sản cố định	347.943.380	-
Cộng	**3.620.510.360**	**3.087.857.713**

6. Chi phí khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí phạt nộp thuế	-	1.452.374.941
Xử lý nợ không thu được	73.870.197	-
Giá trị còn lại của TSCĐ bị mất	73.081.100	-
Cộng	**146.951.297**	**1.452.374.941**

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	14.741.599.787	12.125.069.708
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.241.135.782	1.457.232.936

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Chi phí khấu hao tài sản cố định	962.522.573	392.625.971
Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	3.000.000
Chi phí tổn thất của hợp đồng chuyển nhượng vốn	6.000.000.000	38.511.250.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.426.387.313	7.929.346.156
Chi phí bằng tiền khác	2.651.889.725	21.126.398.179
Cộng	**33.027.535.180**	**81.544.922.950**

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	371.862.052.369	724.909.786.792
Chi phí nhân công	64.693.025.985	131.453.567.653
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.601.315.052	4.331.678.028
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.374.696.389	29.218.703.460
Chi phí bằng tiền khác	55.083.294.883	129.521.503.728
Cộng	**513.614.384.678**	**1.019.435.239.661**

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường		
Tổng thu nhập phát sinh, trong đó:	506.724.753.060	963.396.476.230
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	*500.134.668.060*	*947.843.603.793*
Thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	*6.590.085.000*	*15.552.872.437*
Tổng chi phí phát sinh, trong đó:	496.566.463.869	960.311.554.617
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	*479.116.414.643*	*960.311.554.617*
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	*17.450.049.226*	-
Kết chuyển lỗ từ hoạt động kinh doanh Bất động sản	(163.586.545)	-
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	20.854.666.872	(12.467.950.824)
Lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp	20.854.666.872	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.170.933.374	-
Hoạt động kinh doanh Bất động sản		
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	755.505.455	-
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	919.092.000	-
Lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp	(163.586.545)	-
Kết chuyển lỗ cho hoạt động kinh doanh thông thường	163.586.545	-
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	2.922.398.697	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**7.093.332.071**	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 không được trình bày trên báo cáo tài chính riêng mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

VII Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
1) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường;	210.642.570.908	434.260.837.362
2) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:		
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường;	210.592.316.727	441.216.976.649

VIII. Những thông tin khác

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

a) Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	Công ty con
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	Công ty con
Công ty CP Sản xuất cửa Hoa Kỳ	Công ty con
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí	Công ty liên kết

b) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Mua hàng	***40.662.704.463***	***103.268.395.410***
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	38.928.718.305	72.012.699.930
Công ty CP Sản xuất cửa Hoa Kỳ	1.733.986.158	31.255.695.480
Bán hàng	***57.112.498.750***	***320.372.846.532***
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	57.112.498.750	320.372.846.532
Nhận cổ tức	***6.440.085.000***	***14.790.387.000***
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	906.000.000	362.400.000
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	5.534.085.000	14.427.987.000

c) Số dư với các bên liên quan

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu khách hàng	***5.986.719.845***	***4.595.579.524***
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	5.986.719.845	4.573.076.670
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	-	22.502.854
Trả trước cho người bán	***3.559.663.308***	***4.358.730.490***
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	3.361.714.108	2.578.730.490
Công ty CP Sản xuất cửa Hoa Kỳ	197.949.200	1.780.000.000

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Phải thu về cho vay	***1.300.000.000***	***800.000.000***
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí	1.300.000.000	800.000.000
Phải thu khác	***25.175.000***	***6.200.000***
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí	25.175.000	6.200.000
Phải trả người bán	***16.483.921.745***	***28.291.176.425***
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	15.311.093.970	19.132.044.666
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	16.711.832	80.970.464
Công ty CP Sản xuất cửa Hoa Kỳ	1.156.115.943	9.078.161.295
Người mua trả tiền trước	-	***4.177.658.125***
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	-	4.177.658.125

c) Thu nhập của Ban Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lương, thưởng, phụ cấp	1.957.362.000	2.074.595.000
Cộng	**1.957.362.000**	**2.074.595.000**

3. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

4. Thông tin so sánh

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long T.D.K, trong đó, một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán đã được phân loại, trình bày lại theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp cho phù hợp với số liệu so sánh của kỳ này. Chi tiết số liệu được phân loại, trình bày lại như sau:

Chỉ tiêu	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	55.800.000.000	55.800.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	84.142.633.318	(55.800.000.000)	28.342.633.318

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Phó Tổng giám đốc
Nguyễn Thị Hoa Vinh	Lê Hoài Thu	Phạm Thị Cẩm Anh